

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **94/2018/HSST**
Ngày 17-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm;

Bà Trần Thị Thùy My.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 72/2018/TL - HSST ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2018/QĐXXST - HS ngày 4 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn T, sinh năm 1979 tại tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 1, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn C, sinh năm 1930 và bà Nguyễn T (đã chết); vợ: Trương L, sinh năm 1985; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2017, chuyển tạm giam ngày 20/12/2017, đến ngày 19/01/2018 được thay thế bằng biên pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú áp dụng cho đến ngày 15/3/2018; có mặt.

2. Nguyễn Thị Ân, sinh năm 1973 tại tỉnh An Giang. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp 3, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn Q, sinh năm 1944 và bà Phan T; chồng: Trần H, sinh năm 1974; có 01 con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo

bị tạm giữ từ ngày 14/12/2017, chuyển tạm giam ngày 20/12/2017, đến ngày 19/01/2018 được thay thế bằng biên pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú áp dụng cho đến ngày 15/3/2018; có mặt.

3. Nguyễn V, sinh năm 1983 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 66/7, khu phố 4, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; con ông Nguyễn H, sinh năm 1958 và bà Lưu N, sinh năm 1958; vợ: Nguyễn T, sinh năm 1986; có 02 con: Lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/12/2017, chuyển tạm giam ngày 20/12/2017, đến ngày 19/01/2018 được thay thế bằng biên pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú áp dụng cho đến ngày 15/3/2018; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Trương L, sinh năm 1985; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố H, phường H, thị xã T, tỉnh Kiên Giang; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn U, sinh năm 1971; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 5, thị trấn T, huyện M, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Thái D, sinh năm 1978; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện S, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Ô, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Trần T1, sinh năm 1976; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Phạm T2, sinh năm 1995; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã Đ, huyện P, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 16 giờ 40 phút ngày 13/12/2017, tại cổng Công ty S, thuộc ấp D, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, Công an xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính đối với Nguyễn T, phát hiện trên người T có phoi đề ghi ra giấy và điện thoại di động có tin nhắn thể hiện nội dung mua bán số đề; sự việc được Công an xã T tiến hành lập Biên bản kiểm tra hành chính và thu giữ tang vật gồm:

+ 02 tờ giấy trắng ghi nhiều số tự nhiên;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu vàng, Model: RM980, sim số: 01644394642;

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng, trắng;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Exiter màu đỏ trắng, biển số 68H1-115.77;

+ Tiền VNĐ 14.160.000 đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn T khai nhận: Khoảng tháng 9/2017, T bắt đầu tổ chức ghi số đề được thua bằng tiền với người mua số đề; đến cuối ngày T tổng kết số đề ghi và giao lại cho nam thanh niên tên H (không rõ nhân thân, địa chỉ) để hưởng tiền chênh lệch. Người mua số đề của T thông qua hình thức gặp trực tiếp T để ghi trên giấy hoặc nhắn tin con số, số tiền mua vào điện thoại di động của T, T đồng ý bán thì sẽ hồi đáp với nội dung đồng ý; việc chung chi tiền sẽ được T trực tiếp tính với người mua số đề vào ngày hôm sau.

Cách tính tiền được thua dựa vào kết quả xổ số của các Đài xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố miền Nam, miền Bắc, nếu:

- Mua, bán đầu, đuôi 02 con số, bao lô đề 02 con số, số đá 02 con số thì căn cứ vào 18 dãy số của kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố miền Nam và 27 dãy số của kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố miền Bắc, tỉ lệ được thua là 1/70 lần số tiền mua số đề.

- Mua, bán đầu, đuôi 03 con số, bao lô đề 03 con số, thì căn cứ vào 18 dãy số của kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố miền Nam và 23 dãy số của kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố miền Bắc, tỉ lệ được thua là 1/600 lần số tiền mua số đề.

Qua thống kê phơi đề; nội dung kiểm tra tin nhắn trong điện thoại di động của Nguyễn T ngày 13/12/2017, thể hiện: T bán số đề dựa vào kết quả xổ số của Đài xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai cho Nguyễn A với số tiền là 4.315.000 đồng; Nguyễn V với số tiền là 4.062.000 đồng; Trần T1 với số tiền là 2.400.000 đồng; Nguyễn U với số tiền là 575.000 đồng; Phạm T2 với số tiền là 145.000 đồng; Thái D theo Đài xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai với số tiền là 3.712.000 đồng, theo Đài xổ số kiến thiết tỉnh Cần Thơ với số tiền là 1.980.000 đồng. Khi mua bán số đề, giữa T với A, V, D, T1, U, T2 chưa giao nhận tiền với nhau.

Đối chiếu với kết quả xổ số Đài xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai ngày 13/12/2017, các số đề Nguyễn A mua trúng là số 60, 25, 81, 49, 66 với số tiền trúng là 3.500.000 đồng; các số đề Nguyễn V mua trúng là số 30, 70, 49 với số tiền trúng là 1.330.000 đồng; Trần T1 mua trúng các số 10, 30 với số tiền trúng là 1.400.000 đồng.

Như vậy, số tiền Nguyễn A dùng để đánh bạc là 7.815.000 đồng, gồm 4.315.000 đồng tiền bỏ ra đánh bạc, 3.500.000 đồng tiền trúng; số tiền Nguyễn V dùng để đánh bạc là 5.392.000 đồng, gồm 4.062.000 đồng tiền bỏ ra đánh bạc, 1.330.000 đồng tiền trúng; số tiền Trần T1 dùng để đánh bạc là 3.800.000 đồng, gồm 2.400.000 đồng tiền bỏ ra đánh bạc, 1.400.000 đồng tiền trúng; số tiền Thái D dùng để đánh bạc tại lô đề của Đài xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai là 3.712.000 đồng; Nguyễn U là 575.000 đồng; Phạm T1 là 135.000 đồng. Tổng số tiền Nguyễn T dùng để đánh bạc với A, V, D, T1, U, T2 là 21.439.000 đồng, gồm 15.209.000 đồng số tiền nhận ghi đề, 6.230.000 đồng tiền trả trúng.

Bản Cáo trạng số 82/CT – VKSBC ngày 20 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn A, Nguyễn V về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo T, A, V đủ yếu tố cấu thành tội: “Đánh bạc” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Xử phạt Nguyễn T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

Xử phạt Nguyễn A từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng;

Xử phạt Nguyễn V từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Về biện pháp tư pháp:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia, màu vàng, Model: RM980, sim số: 01644394642; số tiền 14.600.000 đồng của Nguyễn T.

Trong quá trình điều tra; tại phiên tòa sơ thẩm, thể hiện:

Các bị cáo T, A, V hoàn toàn thống nhất hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Đối với số tiền Phạm T2 dùng để đánh bạc, tại phiên tòa, T2 và bị cáo T đều khai nhận là 145.000 đồng, không phải 530.000 đồng như lời khai của T2 trong quá trình điều tra thể hiện.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo mức án nhẹ để các bị cáo có cơ hội trở lại xã hội, lao động và thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện: Trong ngày 13/12/2017, tại Công ty S thuộc ấp S, xã T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn T ghi bán số đề căn cứ vào kết quả xổ số của Đài xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai và được thua trực tiếp với bị cáo Nguyễn A, bị cáo Nguyễn V, cùng với Thái D, Trần T1, Nguyễn U, Phạm T2 với số tiền T dùng để đánh bạc là 21.439.000 đồng, gồm 15.209.000 đồng số tiền nhận ghi đề, 6.230.000 đồng tiền trả trúng; trong đó: Số tiền bị cáo Nguyễn A dùng để đánh bạc là 7.815.000 đồng, bị cáo Nguyễn V là 5.392.000 đồng, Trần T1 là 3.800.000 đồng, Thái D là 3.712.000 đồng, Nguyễn U là 575.000 đồng; Phạm T2 là 145.000 đồng.

Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn A, Nguyễn V đã phạm tội: “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về tính chất, vai trò, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tính chất: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội tại địa phương, là tiền đề có thể gây phát sinh những tội phạm khác. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo biết rõ việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là hành vi phạm tội, bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Về vai trò: Trong vụ án này, các bị cáo T, A, V là đồng phạm mang tính giản đơn, cùng cố ý thực hiện hành vi đánh bạc, trong đó: Bị cáo T là người ghi bán số đề với số tiền dùng để đánh bạc là 21.439.000 đồng nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn các bị cáo A, V; các bị cáo A, V là người tham gia đánh bạc với T, số tiền bị cáo A dùng để đánh bạc là 7.815.000 đồng, bị cáo V là 5.392.000 đồng, nên bị cáo A phải chịu trách nhiệm hình sự thấp hơn bị cáo T, cao hơn bị cáo V, còn bị cáo V chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

Xét thấy, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt và đều có tài sản, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự để xem xét áp dụng hình phạt tiền cho các bị cáo cũng đủ tác dụng

giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung và đồng thời cũng không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên – Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn T từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng; các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn V từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng; xét mức hình phạt mà Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với hành vi đánh bạc của Thái D, Trần T1; Nguyễn U, Phạm T2, do không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C không xử lý hình sự, chuyển xử lý hành chính theo các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 70, 71, 72, 73, cùng ngày 15/4/2017 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Đối với nam thanh niên tên H, theo lời khai của bị cáo T, H là người nhận số đề do T giao; tuy nhiên, do không xác định được nhân thân, địa chỉ của H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã C không xử lý đối với H là có căn cứ.

[4] Về biện pháp tư pháp:

Đối với 01 điện thoại hiệu Nokia, màu vàng, Model: RM980, sim số: 01644394642 là điện thoại bị cáo T dùng ghi bán số đề, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 14.160.000 đồng thu giữ của bị cáo T khi lập biên bản kiểm tra hành chính và số tiền 440.000 đồng bị cáo T nộp trong quá trình điều tra và cho rằng là tiền bị cáo thu lợi bất chính; xét thấy, số tiền 14.160.000 đồng là tiền bị cáo chung chi khi thực hiện hành vi ghi bán số đề nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, còn đối với số tiền 440.000 đồng, ngoài lời khai của bị cáo thì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo thu lợi bất chính số tiền này, nên cần trả lại cho bị cáo, nhưng tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng, trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exiter màu đỏ trắng, biển số 68H1-115.77, thu giữ của bị cáo T do chị Trương L đứng tên chủ sở hữu, điện thoại và xe này, bị cáo T không dùng để thực hiện hành vi đánh bạc; trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C đã trả lại điện thoại cho bị cáo T, giao trả xe cho chị L là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn A, Nguyễn V phạm tội: “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn T: 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn A: 12.000.000 (mười hai triệu) đồng;

Xử phạt bị cáo Nguyễn V: 10.000.000 (mười triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại hiệu Nokia, màu vàng, Model: RM980, sim số: 01644394642; số tiền 14.160.000 (mười bốn triệu, một trăm sáu mươi nghìn) đồng của bị cáo Nguyễn T;

- Trả cho bị cáo Nguyễn T số tiền 440.000 (bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng, nhưng tiếp tục quản thủ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với xe 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu hồng, trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exiter màu đỏ trắng, biển số 68H1-115.77, thu giữ của bị cáo T; trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã C, tỉnh Bình Dương đã trả lại cho bị cáo Nguyễn T và chị Trương L nên Hội đồng xét xử không đặt ra xử lý.

(Vật chứng đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/5/2018; Giấy nộp tiền vào tài khoản đề ngày 22/5/2018).

3. Về án phí: Căn cứ các Điều 135; 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn A, Nguyễn V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn T, Nguyễn A, Nguyễn V có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã C;
- CQĐT CA thị xã C;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Cẩm Hằng